TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-PT
Ngày: 04- 01- 2022

V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư
Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/12/2021 và 04/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2021/TLPT ngày 11/10/2021 về việc "*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2018/DS-PT ngày 30/10/2018 của tỉnh Bình Phước bị hủy Giám đốc thẩm theo Quyết định số 186/2021/DS-GĐT ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2021/QĐPT-DS ngày 05/11/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn H, trụ sở chính: 62/36 Trương Công Định, phường 14, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thanh S, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Kim H, sinh năm 1983 và bà Lê Thị Thúy P, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: Số 24 đường D4- KDC Jamona City, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị C, sinh năm 1975, địa chỉ: Ấp 1B, phường Tiến Thành, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp 2, phường Tiến Thành, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: ông Bùi Gia N– Luật sư, thuộc Văn phòng luật sư Bùi Gia N chi nhánh tại Đồng Xoài, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng Công chứng B, trụ sở chính: Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Trưởng Văn phòng Công chứng B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp 3, phường Tiến Thành, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

Vụ án được xét xử phúc thẩm do Bản án phúc thẩm số 111/2018/DS-PT ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị Quyết định Giám đốc thẩm số 186/2021/DS-GĐT ngày 02/7/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy để xét xử phúc thẩm lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2017 của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H (sau đây viết tắt là Công ty H) và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì:

Theo bản án số 06/2014/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước thì bà Lê Thị C phải trả cho Công ty H số tiền là 310.804.855 đồng.

Trên cơ sở đó, Công ty TNHH H có đơn yêu cầu thi hành án gửi Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ đề nghị cho thi hành bản án nói trên. Quá trình thực hiện việc thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ đã ban hành thông báo số 40A/TB-CCTHA ngày 28 tháng 1 năm 2016 về điều kiện thi hành án của bà Lê Thị C. Theo đó "Bà Lê Thị C có tài sản duy nhất là quyền sử dụng đất có diện tích 296,2 m^2 (trong đó có 100 m^2 ONT + 196,2 m^2 CLN) thuộc thửa 187, tờ bản đồ số 32 do UBND thị xã Đ cấp ngày 10 tháng 01 năm 2012 cho bà Lê Thị C và tài sản gắn liền trên đất. Ngày 24 tháng 10 năm 2014, bà Lê Thị C chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ngọc K theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 0999 ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Văn phòng Công chứng B…. Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ thông báo cho Công ty H được biết để yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 0999 ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Văn phòng Công chứng B vô hiệu hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy giấy tờ liên quan đến giao dịch đó. Sau khi có kết quả giải quyết của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đ sẽ tiếp tục giải quyết theo luật định."

Từ căn cứ thông tin nêu trên, thấy rằng tài sản là quyền sử dụng đất của bà Lê Thị C sẽ được dùng để thi hành án theo bản án số 06/2014/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2014 đã có hiệu lực của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Bình Phước đối với Công ty H. Việc bà Lê Thị C chuyển nhượng tài sản này cho ông Nguyễn Ngọc K là hành vi tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án.

Vì Vậy, Công ty H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Lê Thị C và ông Nguyễn Ngọc K được Văn phòng Công chứng B công chứng ngày 15 tháng 10 năm 2014 tại số công chứng 0999, quyển số 2/TP/CC-SCC/HĐGD 15 tháng 10 năm 2014 là vô hiệu.

- Tuyên bố văn bản số 0999, quyển số 2/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Văn phòng Công chứng B là vô hiệu.

- Tuyên hủy giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản gắn liền với đất của cơ quan có thẩm quyền đối với ông Nguyễn Ngọc K (nếu có).

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn K vắng mặt nên không có lời trình bày. Tại cấp phúc thẩm trong đơn xin xét xử vắng mặt ông K đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng Công chứng B trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc K và bà Lê Thị C thực hiện giao dịch chuyển nhượng QSDĐ vào ngày 15 tháng 10 năm 2014 trên tinh thần tự nguyện và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Ông K và bà C xuất trình đầy đủ bản chính các loại giấy tờ như: giấy CMND; Hộ khẩu, chứng nhận tình trạng hôn nhân của bà Cúc; Giấy chứng nhận QSDĐ. Vì vậy, Văn phòng Công chứng B căn cứ vào các Điều 4 và 17 của Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 35; 36; 41 Luật công chứng năm 2006 đã tiến hành công chứng cho hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà C và ông K vào ngày 15 tháng 10 năm 2014 tại văn bản công chứng số 0999, quyển số 02/TP/CC-SCC/HĐGD.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), tỉnh Bình Phước, tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đ sẽ hết hiệu lực khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/6/2018, nguyên đơn Công ty TNHH H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 111/2018/DS-PT ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đ.

Ngày 24/6/2019, nguyên đơn có Đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm trên.

Ngày 07/01/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số 38/QĐKNGĐT-VKS-DS, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 02/7/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định Giám đốc thẩm số 186/2021/DS-GĐT, tuyên xử: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; hủy bản án dân sự phúc thẩm số 111/2018/DS-PT ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần này:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông K là ông Bùi Gia N xác nhận sau khi nhận chuyển nhượng đất từ bà Lê Thị C, đến tháng 01/2018 ông K đã chuyển nhượng lại đất trên cho ông Trần Văn B. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại thủ tục sơ thẩm.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết lại thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và việc làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Lê Thị C có nghĩa vụ phải trả nợ cho Công ty TNHH H (sau đây viết tắt là: Công ty H) số tiền 310.804.855 đồng, theo Bản án số 06/2014/KDTM-ST ngày 30/9/2014 đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ). Bà C có tài sản duy nhất là quyền sử dụng đất (QSDĐ) cùng tài sản gắn liền với đất 296,2m^2 thuộc thửa 187, tờ bản đồ 32 do UBND thị xã Đ cấp ngày 10/01/2012. Tuy nhiên, vào ngày 24/10/2012 bà Cđã chuyển nhượng đất trên cho ông Nguyễn Ngọc K mà không dùng số tiền chuyển nhượng để trả nợ cho Công ty H là lập hợp đồng giả tạo, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù, Công ty H không phải là một bên tham gia giao dịch chuyển nhượng đất vào ngày 15/10/2014, nhưng công ty vẫn có quyền khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hợp đồng trên khi cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm theo quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015). Văn bản công chứng số 0999, quyển số 2/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/10/2014 của Văn phòng Công chứng B chỉ là hình thức để bà C và ông K thực hiện hợp đồng, sau khi ký chuyển nhượng thì đất cũng đã được sang tên cho ông K. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "*Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*". Song, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" là chưa phù hợp.

Bên cạnh đó, tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn đều yêu cầu Tòa án: "*Tuyên hủy giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản gắn liền với đất của cơ quan có thẩm quyền đối với ông Nguyễn Ngọc K (nếu có)"*. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, kèm theo đơn khởi kiện, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản sao GCNQSDĐ số BH 687165, số vào sổ cấp GCN: CH4173/QSDĐ do UBND thị xã Đ cấp cho bà C vào ngày 10/01/2012; trong đó tại mục IV của GCN đã thể hiện vào ngày 24/10/2014 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ đã thực hiện điều chỉnh thay đổi sau khi cấp GCN cho bà C, xác nhận đất được sang tên cho ông Nguyễn Ngọc K theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 0999 ngày 15/10/2014 của Văn phòng công chứng Đồng Xoài. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ phía nguyên đơn có yêu cầu hủy phần điều chỉnh biến động này không, trong khi phía nguyên đơn chỉ đưa ra yêu cầu chung chung như phần trích dẫn trên nhưng trong phần nhận định Tòa sơ thẩm lại cho rằng: "*Yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ của ông K mà thực chất là yêu cầu hủy kết quả chỉnh lý biến động QSDĐ (trang 4)…là không có cơ sở*" là chưa đúng với yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp, sau khi làm rõ, nguyên đơn yêu cầu hủy phần điều chỉnh biến động này thì cũng cần đưa Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Đ (nay là thành phố Đ) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và xác định quan hệ pháp luật của vụ án cho phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét thấy, việc bà C có tài sản duy nhất để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án nhưng lại lập hợp đồng chuyển nhượng tài sản cho người thứ ba mà không dùng số tiền chuyển nhượng để trả nợ cho Công ty H. Để có căn cứ vững chắc xác định giao dịch chuyển nhượng đất giữa bà C và ông K có phải là hợp đồng giả tạo để bà C trốn tránh nghĩa vụ trả nợ hay không thì cũng cần làm rõ các nội dung liên quan đến việc chuyển nhượng này: giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng có phù hợp với giá trị đất thực tế tại địa phương tại thời điểm giao dịch hay không; tài liệu, chứng cứ thể hiện việc giao - nhận tiền, giao - nhận đất giữa các bên; việc xem xét thẩm định, định giá tài sản cũng như xác minh, thu thập chứng cứ để xem xét thiệt hại, lỗi của các bên trong trường hợp xác định hợp đồng chuyển nhượng đất giữa các bên vô hiệu. Những nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ là có thiếu sót.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông K vắng mặt nhưng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K xác nhận: sau khi nhận chuyển nhượng đất trên từ bà Cthì vào ngày 22/01/2018 ông K đã chuyển nhượng lại đất này cho ông Trần Văn B, sinh năm 1975, trú tại khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thị xã Đ (nay là thành phố Đ), hiện ông B đã được điều chỉnh sang tên tại trang 4 của GCNQSDĐ. Trình bày này phù hợp với những tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp phúc thẩm thu thập được trong quá trình thụ lý lại vụ án từ Chi nhánh VPĐKĐĐ Đồng Xoài: bản sao Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông K và ông B được Văn phòng Công chứng H công chứng số 000986, quyển số 3TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/01/2018; GCNQSDĐ cấp cho bà Csố BH 687165, số vào sổ cấp GCN: CH4173/QSDĐ có bổ sung nội dung điều chỉnh biến động tên người sử dụng từ ông K sang ông B vào ngày 06/02/2018; các tài liệu thu, nộp thuế và các tài liệu khác liên quan đến thủ tục sang tên tài sản cho ông B. Đây là tình tiết mới, cần đưa vợ chồng ông B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và làm rõ các nội dung liên quan như: Nội dung giao dịch chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất giữa ông K và ông B? Ý thức chủ quan của ông K và ông B khi tham gia giao dịch? Hiện trạng sử dụng tài sản? Hiện đất có được ông B cầm cố, thế chấp, tặng cho hay thực hiện quyền chuyển dịch tài sản cho người khác nữa hay không? Ý kiến, yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan…

Những sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tình tiết mới phát sinh, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty H, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét xử lý khi vụ án được thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty H không phải chịu. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh ngày 04/01/2022 thì: vào ngày 15/11/2018,

Chi cục THADS thành phố Đ đã ban hành Quyết định thi hành án chủ động số 375/QĐ-CCTHADS đối với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm công ty H đã nộp; ngày 27/12/2018, Chi cục THADS thành phố Đ đã nộp số tiền trên vào ngân sách Nhà nước. Do đó, cần tuyên Chi cục THADS thành phố Đ có trách nhiệm thoái thu số tiền 300.000 đồng để hoàn trả cho công ty H.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH H;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 29/5/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ (nay là thành phố Đ), chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét xử lý khi vụ án được thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH H không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Bình Phước có trách nhiệm thoái thu số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty TNHH H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000421, quyển số 9 ngày 29/6/2018 mà Chi cục thi hành án đã nộp vào ngân sách Nhà nước để hoàn trả cho công ty H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND TP.Đ;
- Chi cục THADS TP.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Quý Chi